

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 06-11-2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành;
2. Ông Phạm Xuân Đỉnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/TB-TLVA ngày 15/01/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXX-ST ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quang Kh, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/4/2018) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước; (Xin vắng mặt)

2.2. Bà Trương Thị M, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp A, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Số 183A/12 khóm I, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Quang Khtrình bày:

Vào ngày 12 tháng 10 năm năm 2015, Ông Nguyễn Văn N có cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị Mvay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận 2 năm, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, nguồn gốc số nợ 130.000.000 đồng này xuất phát từ nhiều lần bà Mvay tiền của ông N, đến ngày 12 tháng 10 năm 2015 mới thống nhất chốt lại số tiền nợ 130.000.000đồng. Khi chốt nợ thì bà Mcó ký tên xác nhận nhưng bà Mký và viết “Hùng, Nguyễn Văn Hùng”. Ông Hùng, bà Mchỉ trả tiền lãi được 6 tháng thì không trả nữa. Đến hạn, ông N nhiều lần yêu cầu ông Hùng, bà Mphải trả nợ nhưng ông Hùng, bà Mkhông trả nên ông N đã làm đơn nhờ Ủy ban nhân dân xã Mcan thiệp và bà Mhẹn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 trả nợ nhưng hết thời hạn trên thì bà M, Ông Hcũng không trả. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hùng, bà Mcó trách nhiệm trả cho ông N số tiền nợ gốc là 130.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Mphải trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu Ông Hcùng trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - bị đơn bà Trương Thị Mtrình bày:

Nguồn gốc số tiền nợ 130.000.000đồng của ông N xuất phát từ nhiều khoản vay nhưng đều là do bà Hvay chứ không phải do bà Mvay, bà Mchỉ vay của ông N đầu tiên là 50.000.000đồng không nhớ ngày tháng năm vay, nhưng sau đó vàng lên giá thì ông N tính số tiền 50.000.000 đồng thành 84.000.000đồng (tương đương với 2 cây vàng), số tiền này thì Bà Nguyễn Thị Mỹ H là người nhận tiền nhưng bà Mđúng ra vay. Hàng tháng, bà Htrả lãi trực tiếp cho ông N. Sau đó, bà Htrả bớt cho ông N số tiền 54.000.000đồng còn nợ lại 30.000.000đồng. Sau một thời gian, bà Htiếp tục vay của ông N số tiền 70.000.000đồng vào ngày bà Mđem tiền trả cho ông N (vì trước đó bà Mcó vay của ông N số tiền 70.000.000đồng) thì ông N sử dụng số tiền này đưa cho bà Hvay, tổng cộng là 100.000.000đồng. Do bà H không trả lãi nên ông N tính dồn cả gốc và lãi là 130.000.000đồng. Đến ngày 12/10/2015, ông N viết Giấy mượn tiền và bà Mcó ký và viết tên “Hùng, Nguyễn Văn Hùng” phía người mượn. Tại Ủy ban nhân dân xã M, bà Mcũng xác định có nợ của ông N là 130.000.000đồng nhưng bà Hnợ ông N chứ không phải bà M. Tuy nhiên, bà M không có chứng cứ chứng minh nên bà Mđồng ý trả tiền cho ông N và đề nghị được trả dần mỗi năm là 20.000.000đồng. Đề nghị ông N bớt số tiền lãi 30.000.000đồng, bà Mđồng ý trả số tiền nợ gốc 100.000.000đồng. Đối với việc bà

Hỏi xác nhận nợ bà M số tiền 100.000.000 đồng thì bà M không yêu cầu giải quyết trong vụ án này để giữa bà M và bà H tự thương lượng giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Mỹ H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Bà H không có họ hàng gì với Ông Nguyễn Văn N và vợ chồng Ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị M. Bà H là chủ xe khách chạy tuyến Vũng Liêm – Chợ Thành – Bình Phước và có quen biết ông Hùng, bà M vì xe khách của bà H đậu nhờ sân nhà ông Hùng, bà M. Bà H cũng biết Ông Nguyễn Văn N vì ông N là người thường xuyên cho vay tiền ở xã Minh Lập. Vào năm 2008, bà H không nhớ cụ thể ngày, tháng thì bà M có dẫn bà H đến nhà ông N để vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng, sau đó thỏa thuận thành 2 lượng vàng và đến khi giá vàng tăng thì thỏa thuận thành tiền là 84.000.000 đồng, bà H đã trả được số tiền 54.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng, đến năm 2015 do có nhu cầu cần vốn nên bà H vay tiếp của ông N số tiền 70.000.000 đồng, tổng cộng bà H nợ ông N là 100.000.000 đồng nhưng ông N tính cả tiền lãi thành số tiền nợ 130.000.000 đồng. Việc vay tiền cũng như trả lãi thì bà H không có tài liệu nào chứng minh. Nay ông N khởi kiện bà M, Ông H thì bà H không có ý kiến gì nhưng nếu ông N đồng ý thì bà H đồng ý trả số tiền nợ này cho ông N nhưng chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, nếu ông N không đồng ý thì bà H sẽ có trách nhiệm trả bà M số tiền này và không yêu cầu giải quyết việc trả nợ của bà H với bà M trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông H không có quan hệ họ hàng thân thích gì với Ông Nguyễn Văn N, Ông H cũng không vay tiền của ông N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Ông H xác định chữ ký và chữ viết “ Hùng, Nguyễn Văn Hùng” phía dưới dòng người mượn trong “Giấy mượn tiền ngày 12 tháng 10 năm 2015” không phải chữ ký và chữ viết của Ông H nhưng Ông H không yêu cầu giám định. Ông H xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Phấn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông N là chồng của bà Phấn, việc ông N cho bà M vay tiền thì do ông N trực tiếp thực hiện, nay ông N khởi kiện bà M và Ông H thì bà Phấn không có ý kiến gì mà hoàn toàn thống nhất như ý kiến của ông N. Bà Phấn có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà M phải trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu Ông H cùng trả nợ và không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác.

Bị đơn ông H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phấn vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm ở những nội dung sau: Tuân thủ đúng quy định pháp luật về nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 302 Điều 471 Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 478 BLDS, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn N. Yêu cầu bà Trương Thị M có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Văn N 100.000.000đ tiền vay theo hợp đồng vay tiền ngày 12/10/2015, không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị M phải trả số tiền vay gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng kể từ 05/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại các điều 471, 478 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị M có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại ấp 5, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo giấy mượn tiền ghi ngày 12/10/2015, thời hạn trả nợ là 12/10/2017 tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 05/01/2018 nên đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 154 của Bộ luật dân sự.

[1.4] *Về sự có mặt của các đương sự:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quang Kh; Bị đơn Ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị Ph vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt do đó HĐXX vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về yêu cầu trả nợ gốc:* Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quang Kh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình

giải quyết vụ án, ông N cho rằng giấy mượn tiền là do ông N viết, bà Mký tên: “H , Nguyễn Văn H ” vào dưới dòng người mượn nên yêu cầu vợ chồng bà M, Ông H cùng trả nợ. Nhưng Ông H cho rằng không có vay tiền của ông N, cũng không ký vào giấy mượn tiền ngày 12/10/2015. Bị đơn bà Mthừa nhận chính bà Mký tên “Hùng, Nguyễn Văn Hùng” vào dưới dòng người mượn trong giấy mượn tiền ngày 12/10/2015 nhưng bà Mchỉ vay tiền của ông N cho bà H vay lại, không sử dụng số tiền này cho bản thân và gia đình và bà Hcũng đồng ý trả nợ cho ông N nên đề nghị để bà Htrả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn ông N không thừa nhận việc bà H vay tiền và bà M, bà Hcũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Tại phiên tòa, bị đơn bà Mcho rằng mặc dù số tiền 100.000.000 đồng bà Mvay cho bà Hsử dụng nhưng do bà Mđứng ra vay nên bà Mđồng ý trả 100.000.000 đồng cho ông N nhưng đề nghị cho thời gian 05 tháng sau để trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, vào ngày 12/10/2015, giữa nguyên đơn ông N và bà Trương Thị Mcó viết giấy mượn tiền thống nhất số tiền bà Mcòn nợ lại ông N là 130.000.000 đồng và thống nhất thời hạn trả nợ là 2 năm sau (tức đến 12/10/2017). Bà Mcũng thừa nhận có ký tên ông “ H , Nguyễn Văn H ” vào giấy mượn tiền ngày 12/10/2015. Bà Hcũng thừa nhận do không quen biết nên bà Hcó nhờ bà Mđứng ra vay tiền của ông N để làm ăn, bà Hcó hứa trả lại tiền cho ông N khi đến hạn nhưng do làm ăn thất bại nên chưa có tiền trả lại, điều này được bà Mkhẳng định tại Biên bản hòa giải tại UBND xã Mvào ngày 5 tháng 7 năm 2017 có nội dung “*thực tế tôi Trương Thị Mcó mượn của Ông Nguyễn Văn N số tiền 130.000.000đồng, số tiền này tôi mượn để đưa cho bà Trương Thị Mỹ Hoa để làm ăn, hiện tại bà Hhứa mỗi năm trả 50.000.000 đồng do vậy, trong 3 năm tôi sẽ trả dứt điểm số tiền 130.000.000đồng, nếu sai trái tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Do đó, có căn cứ để khẳng định việc bà Mnợ ông N số tiền 130.000.000đồng là có thật, được các bên thừa nhận. Tại phiên tòa đại diện theo ủy của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà Mphải trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng một lần, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Mcũng đồng ý nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2].*Xét nghĩa vụ trả nợ*: Các đương sự đề thừa nhận khi bà Mvay tiền của ông N, Ông Hkhông biết, bà Mcũng không sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình mà cho bà H vay lại nên không buộc Ông Hphải cùng bà Mtrả nợ cho ông N.

[2.3]. *Xét tiền lãi đã trả*: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày có sự mâu thuẫn về số tiền lãi đã trả cho ông N, ông N chỉ thừa nhận bà Mcó trả được 6 tháng tiền lãi thì không trả nữa, bà M, bà H trình bày đã trả lãi nhiều hơn số tiền lãi ông N trình bày nhưng không nhớ thời gian trả lãi, số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh minh cho số tiền lãi đã trả và các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết lại số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Văn N, Bà Phạm Thị Ph số tiền 100.000.000đồng.

[2.5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà M phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông N, bà Ph là $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà M phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 305, 471, 474, 476, 478 Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2017/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N

Buộc bà Trương Thị M phải trả cho Ông Nguyễn Văn N, Bà Phạm Thị Ph số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị M phải chịu 5.000.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trả lại cho Ông Nguyễn Văn N số tiền 3.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009186 ngày 15/01/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà